

ĐỀ THAM KHẢO KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I MÔN TOÁN - LỚP 7

**PHÒNG GD&ĐT QUẬN I
TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN**

ĐỀ THAM KHẢO

(Đề có 04 trang)

KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I

NĂM HỌC: 2022 – 2023

MÔN: TOÁN – LỚP: 7

Thời gian làm bài: 90 phút

(không kể thời gian phát đề)

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3,0 ĐIỂM)

Câu 1. Khẳng định nào sau đây đúng?

- A. $9\overline{3}$ ¢. B. $-\frac{1}{3}\overline{1}$ ¢. C. $-5\overline{1}$ ¢. D. $25\overline{1}$ ¢.

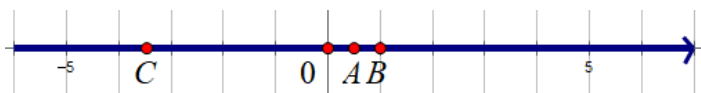
Câu 2. Số đối của $-\frac{8}{9}$ là số nào?

- A. $\frac{9}{8}$. B. $-\frac{9}{8}$. C. $-\frac{8}{9}$. D. $\frac{8}{9}$.

Câu 3. Hãy sắp xếp các số hữu tỉ sau theo thứ tự từ bé đến lớn: $-\frac{15}{17}; 0; \frac{25}{17}; -\frac{3}{17}$?

- A. $-\frac{3}{17}; 0; \frac{25}{17}; -\frac{15}{17}$. B. $\frac{25}{17}; 0; -\frac{15}{17}; -\frac{3}{17}$.
C. $-\frac{3}{17}; 0; -\frac{15}{17}; \frac{25}{17}$. D. $\frac{25}{17}; -\frac{15}{17}; 0; -\frac{3}{17}$.

Câu 4. Quan sát trục số sau. Khẳng định nào sau đây đúng?



- A. Điểm A biểu diễn số hữu tỉ $\frac{1}{2}$. B. Điểm B biểu diễn số hữu tỉ 2 .
C. Điểm C biểu diễn số hữu tỉ $\frac{1}{2}$. D. Điểm A biểu diễn số hữu tỉ $-\frac{1}{2}$.

Câu 5. Hình hộp chữ nhật có bao nhiêu cạnh?

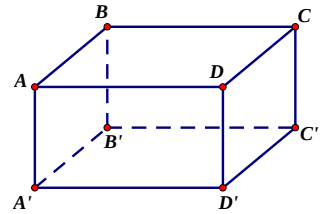
- A. 9 cạnh. B. 10 cạnh. C. 11 cạnh. D. 12 cạnh.

Câu 6. Ở mỗi đỉnh của hình lập phương có bao nhiêu góc?

- A. 3 góc bẹt. B. 3 góc vuông. C. Không có góc nào. D. 5 góc.

Câu 7.

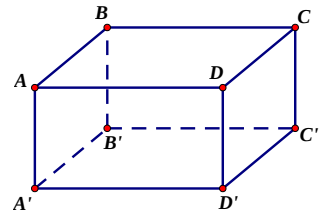
Đường chéo của hình hộp chữ nhật $ABCD.A'B'C'D'$ là đường nào?



- A. $A'D'$. B. BC' . C. AC' . D. BD' .

Câu 8.

Hình hộp chữ nhật $ABCD.A'B'C'D'$ có $BC = 7\text{cm}$. Khẳng định nào sau đây **sai**?

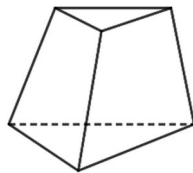


- A. $E'C' = 7\text{cm}$. B. $AD = 7\text{cm}$. C. $A'D' = 7\text{cm}$. D. $E'B = 7\text{cm}$.

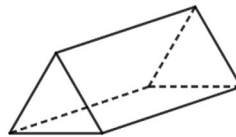
Câu 9. Trong các hình sau, hình nào là hình lăng trụ đứng tam giác?



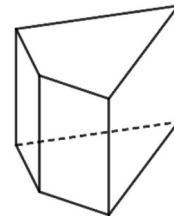
Hình 1



Hình 2



Hình 3

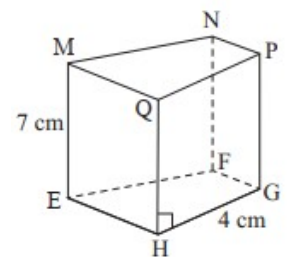


Hình 4

- A. Hình 1. B. Hình 2. C. Hình 3. D. Hình 4.

Câu 10.

Cho hình lăng trụ đứng tứ giác $MNPQ.EFGH$ có cạnh $ME = 7\text{cm}$, $HG = 4\text{cm}$. Khẳng định nào sau đây đúng?



- A. $NF = 7\text{cm}$. B. $NF = 4\text{cm}$. C. $EH = 4\text{cm}$. D. $NP = 7\text{cm}$.

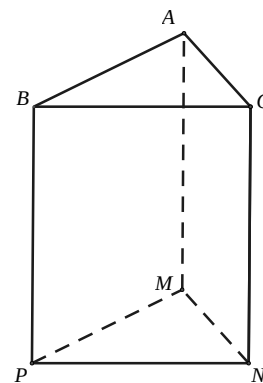
Câu 11.

Các mặt bên của hình lăng trụ đứng tứ giác $ABCD.A'B'C'D'$ là những hình gì?

- A. Tam giác. B. Tứ giác. C. Hình chữ nhật. D. Hình vuông.

Câu 12.

Cho hình lăng trụ đứng tam giác như hình bên. Mặt bên của lăng trụ đứng là:



A.ABC.

B.ABPM.

C.ACMN.

D.BCPN.

II. PHẦN TỰ LUẬN (7,0 ĐIỂM)

Bài 1: (0,75 điểm). (NB) Trong các số 2,5; 0; $-\frac{1}{3}$, $1\frac{1}{2}$ số nào là số hữu tỉ dương? Vì sao?

Bài 2: (1,5 điểm). (VD) Thực hiện phép tính:

a) $\frac{2}{3} : \frac{-6}{9} + \frac{1}{7}$;

b) $\frac{-3}{11} \times \frac{5}{9} + \frac{4}{9} \times \frac{-3}{11}$;

c) $\frac{9^5 \cdot 8^2}{27^3 \cdot 16}$.

Bài 3: (1,5 điểm). (TH) Tìm số hữu tỉ x , biết:

a) $25\% - x = 1\frac{5}{6}$;

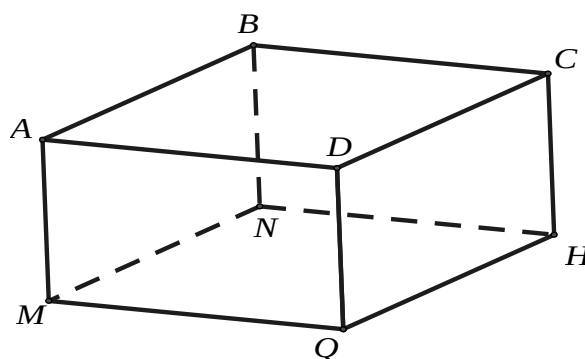
b) $\frac{-5}{4} + \frac{2}{3} : x = 0,75$.

c) Tìm số nguyên x để B có giá trị nguyên và tìm giá trị đó

$$B = \frac{1 - 2x}{x + 3}$$

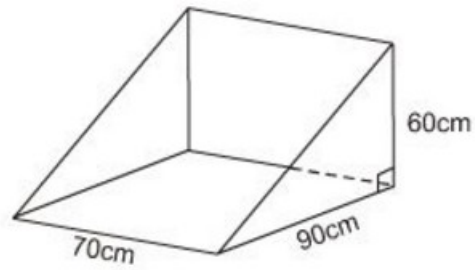
Bài 4: (1,0 điểm). (TH)

Cho hình hộp chữ nhật ABCD.MNHQ như hình vẽ, có AB = 5cm, BC = 7cm, AM = 3cm Tính diện tích xung quanh và thể tích của hình hộp chữ nhật này.



Bài 5: (0,75 điểm). (TH)

Thùng đựng của một máy cắt cỏ có dạng lăng trụ đứng tam giác. Hãy tính thể tích của thùng.



Bài 6: (0,5 điểm). (VD)

Một căn phòng hình hộp chữ nhật có chiều dài $4,5m$, chiều rộng $4m$, chiều cao $3m$. Người ta muốn lăn sơn trần nhà và bốn bức tường. Biết rằng tổng diện tích các cửa là $11m^2$. Tính diện tích cần lăn sơn?

Bài 7: (1,0 điểm). (VDC) Một cửa hàng bán quần áo có chương trình khuyến mãi như sau: Khách hàng có thẻ thành viên sẽ được giảm 15% tổng số tiền của hóa đơn. Bạn Bình có thẻ thành viên, bạn mua hai chiếc áo sơ mi, mỗi áo đều có giá 200 000 đồng và một quần Jeans với giá 350 000 đồng. Bạn đưa cho người thu ngân 1 triệu đồng. Hỏi bạn Bình được trả lại bao nhiêu tiền?

_____HẾT_____

ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM

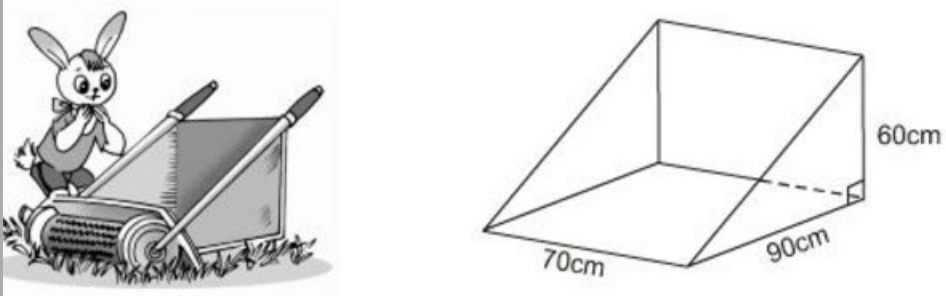
PHẦN TRẮC NGHIỆM (3,0 ĐIỂM)

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
B	D	C	A	D	B	C	D	C	A	C	B

PHẦN TỰ LUẬN (7,0 ĐIỂM)

Bà i	Đáp án	Điểm
1	Bài 1 (0,75 điểm): Trong các số 2,5; 0; $-\frac{1}{3}$, $1\frac{1}{2}$ số nào là số hữu tỉ dương? Vì sao?	
	Vì $2,5 = \frac{25}{10} = \frac{5}{2} > 0$; $1\frac{1}{2} = \frac{3}{2} > 0$	0.5
	Nên 2,5; $1\frac{1}{2}$ là các số hữu tỉ dương	0.25
2	Bài 2a (0,5 điểm): $\frac{2}{3} : -\frac{6}{9} + \frac{1}{7}$	
	$= \frac{2}{3} \cdot -\frac{9}{6} + \frac{1}{7}$	0.25
	$= -1 + \frac{1}{7}$	0.25
	$= -\frac{6}{7}$	
	Bài 2b (0,5 điểm): $-\frac{3}{11} \times \frac{5}{9} + \frac{4}{9} \times -\frac{3}{11}$;	
	$= -\frac{3}{11} \times \frac{5}{9} + \frac{4}{9} \times -\frac{3}{11}$	0.25
	$= -\frac{3}{11} \cdot 1$	0.25
	$= -\frac{3}{11}$	
	Bài 2c (0,5 điểm): $\frac{9^5 \cdot 8^2}{27^3 \cdot 16}$	

	$= \frac{(3^2)^5 \cdot (2^3)^2}{(3^3)^3 \cdot 2^4}$	0.25
	$= \frac{3^{10} \cdot 2^6}{3^9 \cdot 2^4}$	0.25
	$= 3 \cdot 2^2 = 3 \cdot 4 = 12.$	
3	25%- $x = 1\frac{5}{6};$ Bài 3a (0,75 điểm). Tìm số hữu tỉ x , biết:	
	$\frac{1}{4} - x = \frac{11}{6}$	0.25
	$x = \frac{1}{4} - \frac{11}{6}$	0.25
	$x = \frac{-19}{12}.$	0.25
	$\frac{-5}{4} + \frac{2}{3} : x = 0,75$ Bài 3b (0,75 điểm).	
	$\frac{-5}{4} + \frac{2}{3} : x = \frac{3}{4}$	0.25
	$\frac{2}{3} : x = 2$	0.25
	$x = \frac{2}{3} : 2$	0.25
	$x = \frac{1}{3}.$	
4	Bài 4 (1,0 điểm). Cho hình hộp chữ nhật ABCD.MNHQ như hình vẽ, có $AB = 5\text{cm}$, $BC = 7\text{cm}$, $AM = 3\text{cm}$ Tính diện tích xung quanh và thể tích của hình hộp chữ nhật này.	
	$S_{xq} = 2.(5 + 7).3 = 72(\text{cm}^2)$	0.5

	$V = 5.7.3 = 105(\text{cm}^3)$	0.5
5	Bài 5 (0,75 điểm). Thùng đựng của một máy cắt cỏ có dạng lăng trụ đứng tam giác. Hãy tính thể tích của thùng.	
		
	$S_d = \frac{90.60}{2} = 2700(\text{cm}^2)$	0.25
	$V = 2700.70 = 189000(\text{cm}^3)$	0.5
6	Bài 6 (0,5 điểm). Một căn phòng hình hộp chữ nhật có chiều dài $4,5m$, chiều rộng $4m$, chiều cao $3m$. Người ta muốn lăn sơn trần nhà và bốn bức tường. Biết rằng tổng diện tích các cửa là $11m^2$. Tính diện tích cần lăn sơn?	
	Diện tích xung quanh căn phòng và diện tích trần nhà: $S = 2(4,5 + 4).3 + 4,5.4 = 69(m^2)$	0.25
	Diện tích cần lăn sơn: $69 - 11 = 58(m^2)$	0.25
7	Bài 7 (1,0 điểm). Một cửa hàng bán quần áo có chương trình khuyến mãi như sau: Khách hàng có thẻ thành viên sẽ được giảm 15% tổng số tiền của hóa đơn. Bạn Bình có thẻ thành viên, bạn mua hai chiếc áo sơ mi, mỗi áo đều có giá 200 000 đồng và một quần Jeans với giá 350 000 đồng. Bạn đưa cho người thu ngân 1 triệu đồng. Hỏi bạn Bình được trả lại bao nhiêu tiền?	
	Số tiền bạn Bình mua hai chiếc áo sơ mi và một quần Jeans sau khi giảm giá: $(100\% - 15\%).(2.200000 + 350000) = 637500(\text{đồng}).$	0.5
	Số tiền Bình được trả lại: $1000000 - 637500 = 362500(\text{đồng})$	0.5

Ghi chú: Học sinh giải cách khác đúng cho đủ điểm theo từng phần.

____HẾT____